

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

Bản án số: 228/2023/DS-ST

Ngày 14 – 9 – 2023

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hân

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Mỹ Hương

Ông Nguyễn Minh Mẫn

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Đình Chương – Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 14 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 266/2023/TLST-DS, ngày 25 tháng 5 năm 2023 về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 291/2023/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị L; Sinh năm: 1972; Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1985. Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Hà Gia Tr; Sinh năm: 1982 và bà Trần A L1; Sinh năm: 1983; Cùng địa chỉ cư trú: Ấp N, xã Đ, thành phố C, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện của nguyên đơn, ông Nguyễn Văn N là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên toà như sau:

Vào ngày 28 tháng 4 năm 2022 bà Trần Thị L cho ông Hà Gia Tr và bà Trần A L1 vay số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 1.66%/tháng, việc vay có lập hợp đồng vay tiền ngày 28 tháng 4 năm 2022 tại văn phòng công chứng Trần Mai Hương, được công chứng số 004911 quyền số 01/2022TP/CC-SOC/HĐGD, bà L đã giao đủ số tiền vay trên cho ông Tr và bà L1 nhận. Tuy nhiên, khi vay số tiền trên thì ông Tr, bà L1 chỉ thanh toán lãi cho bà L được 01 kỳ, với số tiền là 3.320.000 đồng. Từ ngày 28/05/2022 đến nay ông Tr, bà L1 không tiếp tục thanh toán lãi cho bà L. Đến ngày 28 tháng 11 năm 2022, ông Tr, bà L1 có trả cho bà L số tiền nợ gốc là

80.000.000 đồng. Như vậy, số tiền còn lại là 120.000.000 đồng và tiền nợ lãi từ ngày 28/05/2022 đến 28/11/2022 là 06 tháng.

Bà L yêu cầu ông Tr, bà L1 thanh toán cho bà L tổng số tiền là: 147.888.000 đồng, trong đó: nợ gốc: 120.000.000 đồng; Tiền lãi trên số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng lãi từ ngày 28/5/2022 đến ngày 28/11/2022 là: $200.000.000 \text{ đồng} \times 06 \text{ tháng} \times 3.320.000 \text{ đồng/tháng} = 19.920.000 \text{ đồng}$; Tiền lãi trên số tiền nợ gốc 120.000.000 đồng từ ngày 29/11/2022 đến ngày 29/4/2023 là: $05 \text{ tháng} \times 1.992.000 \text{ đồng/tháng} = 7.968.000 \text{ đồng}$. Tổng tiền nợ lãi: 27.888.000 đồng, không yêu cầu tính lãi tiếp tục đến ngày xét xử.

Ông Hà Gia Tr trình bày trong quá trình giải quyết vụ án như sau: Ông thừa nhận là vợ chồng ông có vay tiền của bà L như trên đúng như nguyên đơn trình bày. Tuy nhiên, hiện nay ông chưa đối chiếu được số tiền đã thanh toán cho nguyên đơn.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Hà Gia Tr và bà Trần A L1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo cho ông Tr, bà L1 đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên hòa giải ngày 28/6/2023, ông Tr có mặt, bà L1 vắng mặt, nên Tòa án hoãn phiên hòa giải. Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập, để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng ông Tr và bà L1 vẫn vắng mặt không rõ lý do, bà L1 không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Hà Gia Tr và bà Trần A L1 đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với ông Tr và bà L1 theo luật định.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc 120.000.000 đồng và tiền nợ lãi. Nguyên đơn cung cấp chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình là Hợp đồng vay tiền không có thế chấp tài sản, số công chứng 004911 quyền số 01/2022TP/CC-SOC/HĐGD ngày 28/4/2022, được công chứng tại Văn phòng công chứng Trần Mai Hương, có các bên đương sự ký tên, vay số tiền 200.000.000 đồng, thời hạn vay là 02 tháng, lãi suất tự thỏa thuận. Tại hợp đồng thể hiện bên cho vay giao tiền cho bên vay sau khi ký hợp đồng. Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn xác định nguyên đơn đã giao cho bị đơn nhận đủ số tiền trên. Quá trình vay, bị đơn đã thanh toán nợ gốc cho nguyên đơn được 80.000.000 đồng, còn nợ 120.000.000 đồng. Đối với bị đơn ông Hà Gia Tr thừa nhận có nợ của nguyên đơn đúng như nguyên đơn trình bày, nhưng chưa đối chiếu được số tiền đã thanh toán, nên chưa có ý kiến chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu nguyên đơn, bà Trần A L1 không có ý kiến về yêu cầu của nguyên đơn, nên không xem xét. Hội đồng xét xử xét thấy, hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn và bị đơn có diễn ra thực tế khách quan. Quá trình vay, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán với nguyên đơn, không

tiếp tục thanh toán cho nguyên đơn. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn nợ gốc 120.000.000 đồng.

[3] Về tiền lãi và lãi suất: Khi vay các bên thỏa thuận là 1,66%/tháng là phù hợp với quy định pháp luật. Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn xác định bị đơn đã thanh toán lãi được 3.320.000 đồng. Từ ngày 28/5/2022 bị đơn không tiếp tục thanh toán lãi. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán lãi trên số tiền 200.000.000 đồng từ ngày 28/5/2022 đến ngày 28/11/2022 là 06 tháng bằng 19.920.000 đồng; Tiền lãi trên số tiền nợ gốc 120.000.000 đồng từ ngày 29/11/2022 đến ngày 29/4/2023 là 05 tháng bằng 7.968.000 đồng. Tổng tiền lãi: 27.888.000 đồng, không yêu cầu tính lãi tiếp tục đến ngày xét xử. Do đó, có căn cứ chấp nhận.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn sự phải nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 470, 288 của Bộ luật dân sự; Các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị L, về việc yêu cầu ông Hà Gia Tr và bà Trần A L1 thanh toán nợ vay.

Buộc ông Hà Gia Tr và bà Trần A L1 cùng có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho bà Trần Thị L số tiền 147.888.000 đồng, trong đó nợ gốc 120.000.000 đồng, nợ lãi 27.888.000 đồng.

Kể từ ngày bà Trần Thị L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Hà Gia Tr và bà Trần A L1 không thanh toán xong khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Trần Thị L không phải nộp án phí, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã đã nộp 3.697.000 đồng theo biên lai thu số 0003437 ngày 24/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau; ông Hà Gia Tr và bà Trần A L1 phải nộp 7.394.000 đồng (chưa nộp), nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu TM (TANDTPCM).

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Hân